

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06-12-2022

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Được

Ông Lê Văn Đáng

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lý Phước Bền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 08/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 9 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1959 có mặt.

Địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc Y, sinh năm 1952 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Minh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Ngọc Y chung sống với nhau vào năm 1982 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Trường D, sinh năm 1982; Nguyễn Trường N, sinh năm 1985 và Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1987 đều đã trưởng thành. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc ly hôn là do bất

đồng quan điểm, vợ chồng nhiều lần hòa giải với nhau nhưng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được và đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nhận thấy cuộc hôn nhân không thể cứu vãn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc Y.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Trường D, sinh năm 1982; Nguyễn Trường N, sinh năm 1985 và Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1987 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Ông H không tranh chấp, không khởi kiện nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị Ngọc Y trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông H về thời gian kết hôn và việc không đăng ký kết hôn là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H quen biết người phụ nữ khác từ đó dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên, sống không có hạnh phúc, mạnh ai nấy sống và hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay bà không đồng ý ly hôn với ông H.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Trường D, sinh năm 1982; Nguyễn Trường N, sinh năm 1985 và Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1987 đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Bà Y không tranh chấp, không khởi kiện nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trần Thị Ngọc Y có đơn xin giải quyết vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Trần Thị Ngọc Y.

Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Minh H và bà Trần Thị Ngọc Y xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1982, nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì nam nữ xác lập quan hệ hôn nhân trước ngày 03/01/1987 là hôn nhân thực tế. Trong quá trình chung sống giữa ông H với bà Y phát sinh mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên, không ai quan tâm đến ai. Ngoài ra, trong thời gian sống ly thân hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau để cải thiện quan hệ vợ chồng, khắc phục sai lầm, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó ông Nguyễn Minh H yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Ngọc Y là có cơ sở chấp nhận. Về con chung đều đã trưởng thành, ông H và bà Y không đặt ra nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả ông H và bà Y không đặt ra nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ngoài ra, vị Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Minh H và bà Trần Thị Ngọc Y tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28; 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Trần Thị Ngọc Y có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Ngọc Y.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông Nguyễn Minh H và bà Trần Thị Ngọc Y xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1982, nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì nam nữ xác lập quan hệ hôn nhân trước ngày 03/01/1987 là hôn nhân thực tế. Ông H và bà Y xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1982 nên hôn nhân giữa ông H và bà Y là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn ông Nguyễn Minh H trình bày trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và bà Y do bất đồng quan điểm, vợ chồng nhiều lần hòa giải với nhau nhưng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được và hai người đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Y. Bà Y trình bày do ông H quen biết người phụ nữ khác từ đó dẫn đến phát sinh mâu thuẫn cãi vã thường xuyên, sống không có hạnh phúc, mạnh ai nấy sống và đã ly thân từ năm 2019 đến nay, bà không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống giữa ông H với bà Y phát sinh mâu thuẫn, cãi vã thường xuyên, không ai quan tâm đến ai. Ngoài ra, trong thời gian sống ly thân hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau để cải thiện quan hệ vợ chồng, khắc phục sai lầm, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy sự việc mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà Y đã trở nên trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu nhưng không thể hàn gắn tình cảm nên việc ông Nguyễn Minh H yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Ngọc Y là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Các con đều đã trưởng thành, ông H và bà Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Ông Nguyễn Minh H và bà Trần Thị Ngọc Y không tranh chấp, không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Minh H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật. Nhưng ông H thuộc diện người cao tuổi và có làm đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Minh H được miễn toàn bộ tiền án phí.

[6] Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh H.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Minh H được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc Y.

2. Về con chung: Các con đều đã trưởng thành, ông H và bà Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả: Ông Nguyễn Minh H và bà Trần Thị Ngọc Y không tranh chấp, không khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm cho ông Nguyễn Minh H.

5. Về Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Ngọc Hùng Anh